

GHI NHẬN MỚI CÁC LOÀI THUỘC HỌ THẦN LẦN BÓNG (SCINCIDAE) Ở TỈNH PHÚ YÊN

Đỗ Trọng Đăng¹, Ngô Đắc Chứng²,
Nguyễn Văn Tân³, Nguyễn Quảng Trường^{3,4}

¹Trường Đại học Phú Yên

²Trường Đại học Sư phạm Huế

³Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

⁴Học viện Khoa học và Công nghệ,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phú Yên là tỉnh ven biển thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích rừng tự nhiên 116.819 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 31,1% (Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, 2016). Chất lượng rừng tự nhiên ở tỉnh Phú Yên còn tương đối tốt, là nơi cư ngụ của nhiều loài động vật hoang dã, trong đó có các loài bò sát. Tuy nhiên, những nghiên cứu về bò sát ở tỉnh này còn rất hạn chế. Các kết quả nghiên cứu của Ngô Đắc Chứng và Trần Duy Ngọc (2007), David et al. (2008), Nguyen et al. (2009), Ziegler et al. (2013), Do et al. (2016) đã ghi nhận 56 loài bò sát; trong đó, có 5 loài thuộc họ Thần lằn bóng (Scincidae): *Eutropis longicaudatus*, *E. macularius*, *E. multifasciatus*, *Lipinia vittigera* và *Sphenomorphus maculatus*.

Trong các chuyến khảo sát về đa dạng sinh học gần đây, chúng tôi đã ghi nhận bổ sung 4 loài thuộc họ Thần lằn bóng (Scincidae) cho khu hệ bò sát của tỉnh Phú Yên, bao gồm: *Lygosoma bowringii*, *L. quadripes*, *Scincella* cf. *melanosticta* và *Tropidophorus microlepis*.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát thực địa được thực hiện trên địa bàn các xã Hòa Tâm (huyện Đông Hòa), Hòa Thịnh (huyện Tây Hòa), Phú Mỹ (huyện Đồng Xuân) và đảo Cù Lao Mái Nhà (huyện Tuy An) từ tháng 4/2015 đến tháng 5/2017 (Hình 1). Mẫu bò sát được thu thập bằng tay hoặc bằng cần câu và đựng trong các túi vải hoặc túi lưới. Mẫu vật sau khi chụp ảnh được gây mê, đeo nhãn và định hình trong cồn 90° trong vòng 8-10 giờ, sau đó chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70°. Mẫu vật được lưu giữ tại Khoa Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Phú Yên (PYU).

Các chỉ số hình thái được đo với độ chính xác đến 0,1 mm theo phương pháp của Nguyen et al. (2011), bao gồm: SVL: Chiều dài thân, HL: Chiều dài đầu, HW: Chiều rộng đầu, HH: Chiều cao đầu, SL: Chiều dài mõm, EL: Đường kính mắt; FIL: Chiều dài chi trước (đo từ nách đến mút ngón tay thứ IV); HIL: Chiều dài chi sau (đo từ bẹn đến mút ngón chân thứ IV), Supr: Số vảy dọc mí mắt trên, Prt: Số vảy thái dương thứ nhất, Sect: Số vảy thái dương thứ hai, SuL: Số vảy môi trên, IfL: Số vảy môi dưới, M: Số hàng vảy quanh thân, P: Số hàng vảy chạy dọc sống lưng (từ sau vảy đỉnh đến vị trí tương ứng với rìa sau hậu môn, V: Số hàng vảy bụng (từ sau vảy cằm đến vảy trước hậu môn), S4F: Số bản mỏng trên ngón tay IV, S4T: Số bản mỏng trên ngón chân IV.

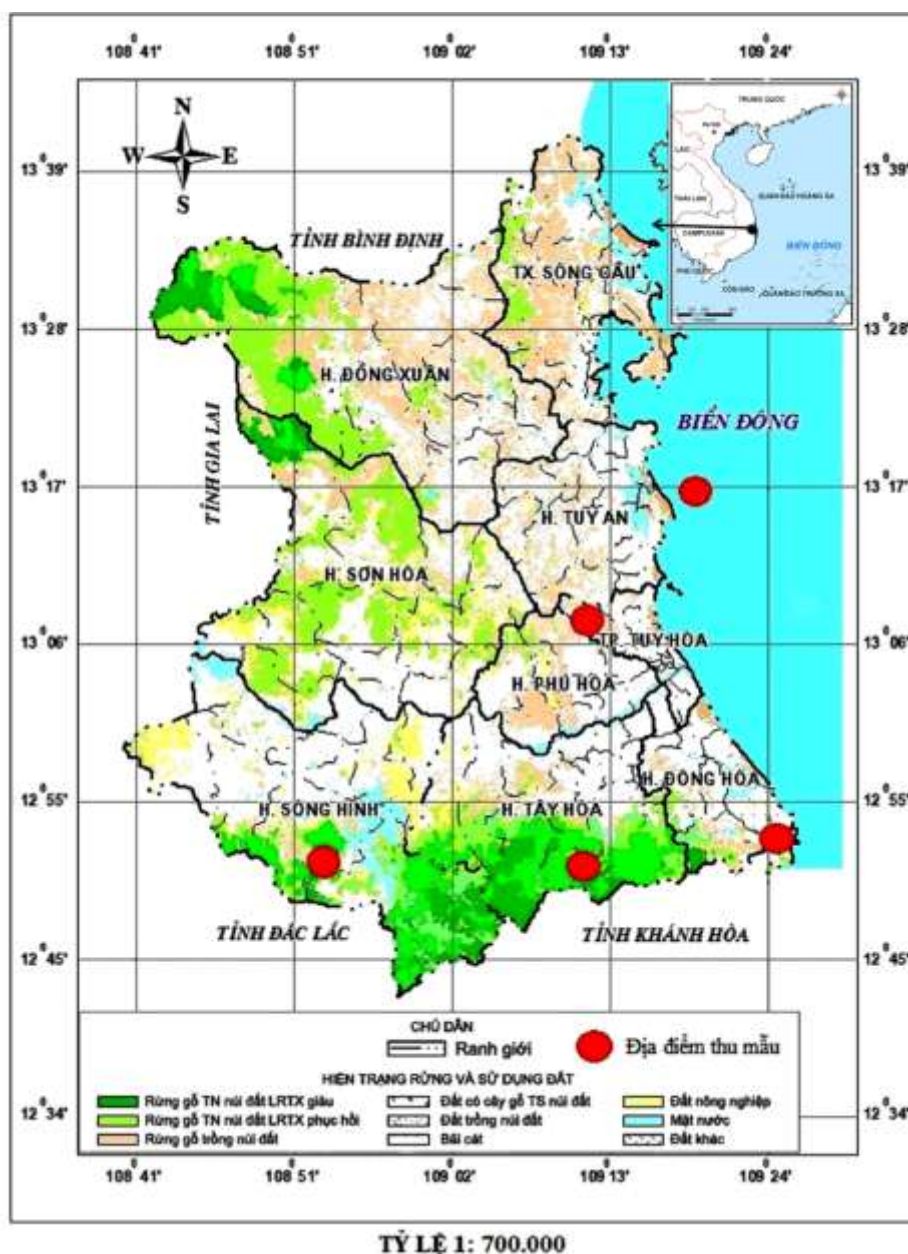
II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dựa vào các kết quả phân tích mẫu vật, chúng tôi mô tả đặc điểm hình thái của 4 loài thuộc họ Thần lằn bóng (Scincidae) mới ghi nhận ở tỉnh Phú Yên như dưới đây:

1. *Lygosoma bowringii* (Günther, 1864) / Thần lằn chân ngắn bao-ring (Hình 2a)

Mẫu vật nghiên cứu (n = 3): PYU ĐTD.634 - 635 (đực); PYU ĐTD.633 (cái) thu ở đảo Cù Lao Mái Nhà, huyện Tuy An (13°29'025"N, 108°54'574"E) vào tháng 4/2016.

Đặc điểm hình thái của mẫu vật thu được phù hợp với mô tả của Taylor (1963), Geissler et al. (2011) và Vassilieva et al. (2016): SVL 48,0-54,8 mm ở con đực (n = 2); 52,4 mm ở con cái (n = 1). Cơ thể dạng hình trụ; đầu không phân biệt với thân; mõm tù; vảy mõm vừa phải; vảy trên mũi lớn tiếp xúc với nhau ở giữa và tiếp xúc với vảy má; vảy trán lớn; 2 vảy trán đỉnh; 2 vảy đỉnh; 2 vảy má; 6-7 vảy môi trên; 6 vảy môi dưới; 2 vảy thái dương trước; 2 vảy thái dương sau; 8 hoặc 9 vảy dọc mí mắt trên; dưới mí mắt có các vảy nhỏ; tai tròn, nhỏ, có 1-2 vảy nhỏ hõm vào trong; 27-28 hàng vảy quanh thân, nhẵn; 58-60 hàng vảy dọc sống lưng; 55-60 hàng vảy dọc bụng; chân ngắn, mảnh; 8-10 bản móng dưới ngón tay thứ IV; 12-15 bản móng dưới ngón chân thứ IV.



Hình 1: Bản đồ các địa điểm thu mẫu ở tỉnh Phú Yên

Màu sắc khi sống: Mặt lưng màu nâu, bóng; hai bên lưng có 2 vệt màu đen hẹp chạy từ sau tấm trên mắt đến phía trên góc đuôi; phần sau mắt đến vai, hai bên sườn, gốc đuôi và đuôi xen lẫn màu hồng; cằm và họng màu trắng bần; bụng màu nâu vàng.

Một số đặc điểm sinh thái học: Mẫu vật được thu vào lúc 19-22 giờ, chúng nằm lẫn trốn dưới đám lá mục ở gốc cây bàng, trong rừng thứ sinh ở độ cao 10-40 m so với mực nước biển.

Phân bố: Ở Việt Nam, loài này phân bố từ các tỉnh Hải Dương, Nghệ An ở phía Bắc vào đến tỉnh Tây Ninh, Kiên Giang ở phía Nam. Trên thế giới, loài này được ghi nhận ở Myanmar, Campuchia, Lào, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ, Philippin và Australia (Geissler et al. 2011).

2. *Lygosoma quadrupes* (Linnaeus, 1766) / **Thằn lằn chân ngắn thường (Hình 2b)**

Mẫu vật nghiên cứu (n = 1): PYU ĐTD.750 (cái) thu ở xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa (13°9'097"N, 109°11'404"E) vào tháng 5/2017.

Đặc điểm hình thái mẫu vật thu được phù hợp với mô tả của Smith (1935), Taylor (1963), Geissler et al. (2011) và Vassilieva et al. (2016): SVL 76,7 mm. Cơ thể mảnh, hình trụ; đầu nhọn, không phân biệt với thân; vảy mõm lớn; vảy trên mũi nhỏ không tiếp xúc nhau nhưng tiếp xúc với vảy má; 2 vảy trước trán nhỏ, không tiếp xúc nhau; 1 vảy trán đỉnh; 2 vảy đỉnh; 2 vảy má; 7 vảy môi trên; 7 vảy môi dưới; 2 tấm thái dương trước; 2 tấm thái dương sau; 10 vảy dọc mí mắt trên; dưới mắt có các vảy nhỏ; tai nhỏ, hẹp; 26 hàng vảy quanh thân, nhẵn; 110 hàng vảy dọc sống lưng; 107 hàng vảy dọc bụng; chân thon, rất ngắn; 5-6 bản móng dưới ngón tay thứ IV; 6-7 bản móng dưới ngón chân thứ IV.

Màu sắc khi sống: Mặt lưng màu nâu vàng nhạt; mép các vảy ở lưng, bụng, chi màu nâu tối tạo thành các sọc tối chạy từ đầu cho đến hết đuôi; vảy môi trên và môi dưới màu nâu tối xen lẫn vàng; bụng có màu kem.

Một số đặc điểm sinh thái học: Mẫu vật được thu vào lúc 9-10 giờ, trong các khe đá, sinh cảnh xung quanh là rừng thứ sinh đang phục hồi ở độ cao 50-70 m so với mực nước biển.

Phân bố: Ở Việt Nam loài này phân bố từ Hà Nội, tỉnh Nam Định, Thái Bình ở phía Bắc vào đến tỉnh Đồng Nai, Kiên Giang ở phía Nam. Trên thế giới, loài này được ghi nhận ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, Malaixia, Indonexia và Philippin (Geissler et al. 2011).

3. *Scincella cf. melanosticta* (Boulenger, 1887) / **Thằn lằn cổ đốm đen (Hình 2c)**

Mẫu vật nghiên cứu (n = 4): PYU ĐTD.112 (cái) thu ở xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa (12°52'084"N, 109°14'113"E) vào tháng 3/2015; PYU ĐTD.192-193 (cái) thu ở xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa (12°53'332"N, 109°26'252"E) vào tháng 4/2015, PYU ĐTD.443 (cái) thu ở xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa (12°53'234"N, 109°12'417"E) vào tháng 7/2015.

Đặc điểm hình thái của mẫu vật thu được phù hợp với mô tả của Smith (1935), Taylor (1963), Ouboter (1986), Manthey & Grossmann (1997) và Nemes et al. (2013): SVL 51,4-55,5 mm ở con cái (n = 4). Cơ thể hình trụ; đầu nhọn, không phân biệt với thân; vảy trên mũi nhỏ, không tiếp xúc nhau nhưng tiếp xúc với vảy má; 2 vảy trước trán tiếp xúc với nhau; 2 vảy trán đỉnh; 2 vảy đỉnh; 2 vảy má; 6 vảy môi trên; 6 vảy môi dưới; 2 vảy thái dương trước; 2 vảy thái dương sau; dưới mắt có ổ đĩa lớn; tai nhỏ; 8 hoặc 9 vảy dọc mí mắt trên; 35-38 hàng vảy quanh thân, nhẵn; 57-64 vảy dọc sống lưng; 62-65 vảy dọc bụng; chân thon, chắc; 10 bản móng dưới ngón tay thứ IV; 17 bản móng dưới ngón chân thứ IV.

Màu sắc khi sống: Mặt lưng thân màu nâu; đầu, hai bên cổ, chi trước, chi sau và đuôi có

màu đỏ hồng; 2 bên hông có các đốm đen từ cổ kéo dài đến đuôi; trên lưng đôi khi cũng có các đốm đen; bụng màu olive đỏ.

Một số đặc điểm sinh thái học: Mẫu vật được thu vào lúc 16-17 giờ, dưới đám lá khô, các khe đá trên đường mòn trong rừng thứ sinh đang phục hồi.

Phân bố: Ở Việt Nam loài này phân bố ở các tỉnh Quảng Bình, Lâm Đồng, Bà Rịa-Vũng Tàu. Trên thế giới, loài này được ghi nhận ở Myanmar, Lào, Thái Lan và Campuchia (Nemes et al. 2009).



Hình 2: Các loài thằn lằn bóng ghi nhận mới cho tỉnh Phú Yên: a) *Lygosoma bowringii*, b) *Lygosoma quadrupes*, c) *Scincella cf. melanosticta*, d) *Tropidophorus microlepis*

4. *Tropidophorus microlepis* Günther, 1861 / Thằn lằn tai vẩy nhỏ (Hình 2d)

Mẫu vật nghiên cứu (n = 1): PYU ĐTD.452 (cái) thu ở xã Ea Trol, huyện Sông Hinh (12°51'391"N, 108°53'433"E) vào tháng 7/2015.

Đặc điểm hình thái của mẫu vật thu được phù hợp với mô tả của Smith (1935), Nguyen et al. (2010) và Vassilieva et al. (2016): SVL 63,3 mm ở con cái. Cơ thể chắc, khỏe; đầu phân biệt với thân, vảy trên đầu có gờ; mõm cụt; không có vảy trên mũi; 2 vảy trước trán tiếp xúc nhau; 7 vảy môi trên; 7 vảy môi dưới; 3 vảy thái dương trước; 4 vảy thái dương sau; 7 vảy dọc mí mắt trên; 30 vảy quanh thân, có gờ; 46 hàng vảy dọc sống lưng; 50 hàng vảy dọc bụng; 3 vảy lớn trước hậu môn; chân ngắn, khỏe; 12 bản móng dưới ngón tay thứ IV; 20 bản móng dưới ngón chân thứ IV.

Màu sắc khi sống: Mặt lưng nâu, với các đốm vàng trên lưng và hai bên hông; cổ, ngực màu trắng đục; bụng trắng vàng.

Một số đặc điểm sinh thái học: Mẫu vật được thu vào lúc 21h, dưới đám lá mục ven suối đá trong rừng thường xanh, ở độ cao 510 m so với mực nước biển.

Phân bố: Ở Việt Nam loài này phân bố ở các tỉnh Sơn La, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai và Bình Phước. Trên thế giới loài này được ghi nhận ở Lào, Thái Lan, Campuchia (Vassilieva et al. 2016).

III. KẾT LUẬN

Qua các chuyến khảo sát về đa dạng sinh học từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 5 năm 2017, chúng tôi đã ghi nhận bổ sung 4 loài thuộc họ Thằn lằn bóng (Scincidae) ở tỉnh Phú Yên, bao gồm: *Lygosoma bowringii*, *L. quadrupes*, *Scincella melanosticta* và *Tropidophorus microlepis*. Các ghi nhận mới của chúng tôi đã nâng tổng số loài bò sát ở tỉnh này lên 60 loài thuộc 45 giống, 17 họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, 2016. Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2015. Nxb. Thống kê.
2. David P., Vogel G. & Pauwels O. S. G., 2008. A new species of the genus *Oligodon* Fitzinger, 1826 (Squamata: Colubridae) from southern Vietnam and Cambodia. *Zootaxa*, 1939: 19-37.
3. Do D. T., Ngo C.D. & Nguyen T. Q., 2016. New records of Colubridae (Squamata: Serpentes) and an updated list of snakes from Phu Yen Province, Vietnam. *Hội thảo Quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát lần thứ 3*: 25-31.
4. Đỗ Trọng Đăng, Ngô Đắc Chứng & Nguyễn Quảng Trường, 2015. Đa dạng thành phần loài của họ nhái bầu (Amphibia: Anura: Microhylidae) ở tỉnh Phú Yên. *Hội nghị toàn quốc lần thứ 4 về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*: 514-519.
5. Geissler P., Nguyen T. Q., Phung T. M., Devender W.V., Hartmann T., Farkas B., Ziegler T., & Böhme W., 2011.: A review of Indochinese skinks of the genus *Lygosoma* Hardwicke & Gray, 1827 (Squamata: Scincidae), with natural history notes and an identification key. *Biologia* 66: 1159-1176.
6. Manthey U. & Grossmann W., 1997. Amphibien & Reptilien Südostasiens. Natur und Tier Verlag (Münster), 512 pp.
7. Nemes L., Babb R., Devender W. V., Nguyen K.V., Le Q. K., Vu T. N., Rauhaus A., Nguyen T.Q. & Ziegler T., 2013. First contribution to the reptile fauna of Quang Ngai Province, central Vietnam. *Biodiversity Journal*, 4 (2): 301-326.
8. Ngô Đắc Chứng & Trần Duy Ngọc, 2007. Thành phần loài lưỡng cư (Amphibia) và bò sát (Reptilia) của tỉnh Phú Yên. *Tạp chí Sinh học*, 29(1): 20-25.
9. Nguyen S. V., Ho C. T. & Nguyen T. Q., 2009. Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp.
10. Nguyen T. Q., Schmitz A., Nguyen T. T., Orlov N. L., Böhme W. & Ziegler T., 2011. A review of the genus *Sphenormorphus* Fitzinger, 1843 (Squamata: Sauria: Scincidae) in Vietnam, with description of a new species from northern Vietnam & Hainan Island, southern China & the first record of *S. mimicus* Taylor, 1962 from Vietnam. *Journal of Herpetology*, 45 (2): 145-154.

11. **Ouboter P. E .**,1986. A revision of the genus *Scincella* (Reptilia: Sauria: Scincidae) of Asia, with some notes on its evolution. *Zoologische Verhandelingen* (229): 1-66.
12. **Smith M. A.**, 1935. The fauna of British India, including Ceylon and Burma, Reptilia and amphibian, 2 (Sauria), Taylor and Francis, London, 440 pp.
13. **Taylor E. H.**, 1963. The lizards of Thailand. *University of Kansas Science Bulletin*, 44: 687- 1077.
14. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, 2003. Địa chí Phú Yên. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. **Vassilieva A. B, Galoyan E. A., Poyarkov Jr. N. A. & Geissel P.**, 2016. A photographic Field Guide to the Amphibians and Reptiles of the Lowland Monsoon Forests of Southern Vietnam, Edition Chimaira Frankfurt am Main, 317pp.
16. **Ziegler T., Phung T. M., Le M. D. & Nguyen T. Q.**, 2013. A new *Cyrtodactylus* (Squamata: Gekkonidae) from Phu Yen Province, Southern Vietnam. *Zootaxa*, 3686 (4): 432-446.

NEW RECORDS OF SKINKS (SCINCIDAE) FROM PHU YEN PROVINCE

Do Trong Dang, Ngo Dac Chung, Nguyen Van Tan, Nguyen Quang Truong

SUMMARY

Based on a new collection of reptiles collected from Phu Yen Province between April 2015 and May 2017, we herein report four new records of skink species from this province, namely *Lygosoma bowringii*, *L. quadrupes*, *Scincella* cf. *melanosticta* and *Tropidophorus microlepis*. Additional data of morphological characters and life history of the afore mentioned species are also provided. Our findings increase the total number of reptile species in Phu Yen Province to 60.